

Bản án số: 09/2019/HS-PT

Ngày: 15-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ.**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Lê Thanh Vân;**

2. Ông **Huỳnh Văn Ngoan.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo **Lâm Văn T1** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lâm Văn T1, sinh ngày 23/9/1983 tại Vĩnh Long.

Nơi cư trú: đường Nguyễn Văn L, Khóm 5, Phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lâm Văn C** (chết) và bà **Lê Thị S**; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không, tiền án: 03 lần:

- Lần 1: Ngày 17/10/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 93/2006/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2008.

- Lần 2: Ngày 22/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 64/2009/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2012.

- Lần 3: Ngày 03/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 57/2013/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/02/2018.

Nhân thân: 02 lần bị kết án đã được xóa, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 06/5/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/10/2003.

- Lần 2: Ngày 23/3/2005 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 06/2005/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/3/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/5/2018, chuyển tạm giam ngày 07/6/2018 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án có bị hại Nguyễn Thành Q không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 27/5/2018, Mai Thanh T, ngụ ấp K, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang rủ Lâm Văn T1 qua huyện C chơi. Khi gặp nhau thì T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản (xe mô tô) và rủ T1 thì T1 đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 64B2 – xxx.xx (xe do T1 đứng tên sở hữu) chở T1 đi các tuyến đường để trộm cắp tài sản khi đi đến địa phận xã Q thì Tùng phát hiện xe mô tô biển số 63B4 – zzz.zz của anh Nguyễn Thành Q đang dựng trước hàng lang, không người trông coi nên T kêu T1 đứng ngoài cảnh giới. T trực tiếp vào lấy xe, sau khi trộm được xe thì T điều khiển xe vừa trộm, còn T1 điều khiển xe của T1 về nhà T1, cả hai thống nhất lấy xe trộm để làm phương tiện đi lại. Sau đó T điều khiển xe 63B4 – zzz.zz trở về Tiền Giang và T1 không liên lạc được với T, xe hiện tại do T quản lý, sử dụng.

Theo kết luận định giá số 41/BKLDGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: xe mô tô 2 bánh, nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150, biển số 63B4 – zzz.zz, số máy G3D4E438047, số khung 0610HY418137, màu sơn đen trắng, trị giá 36.400.000 đồng.

Đối với Mai Thanh T là đối tượng rủ và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với T1, tuy nhiên qua xác minh đối tượng T đã bỏ trốn khỏi địa phương, khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Văn T1** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lâm Văn T1 06 (sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 29/5/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/11/2018, bị cáo Lâm Văn T1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại tiền án đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, còn nội dung kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Sau cùng đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của án sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Vào khoảng 13 giờ ngày 27/5/2018 bị cáo T1 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển số 63B4 - zzz.zz của anh Nguyễn Thành Q. Theo kết luận định giá số 41/BKLĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: xe mô tô 2 bánh, nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150, biển số 63B4 – zzz.zz, số máy G3D4E438047, số khung 0610HY418137, màu sơn đen trắng, trị giá 36.400.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lâm Văn T1 phạm tội “ Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng pháp luật.

2. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhận thức được điều đó, vậy mà bị cáo đã cố ý lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản, với bản tính lười lao động, nhưng thích hưởng thụ bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài, bất chấp pháp luật.

3. Bị cáo kháng cáo cho rằng, bị cáo chỉ có 03 tiền án, không phải 05 tiền án như cấp sơ thẩm xác định. Bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm tội từ năm 2003 đến nay đã bị kết án 05 lần về các tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên lần phạm tội đầu tiên vào năm 2003, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 127.000 đồng. Khi đó bị cáo có 02 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản bị xử phạt hành chính chưa được xóa. Lần phạm tội thứ 2 vào năm 2005 thì giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 120.000 đồng. Theo qui định tại điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009

của QH khóa 12 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) thì: “Những người đã chấp hành xong hình phạt thì đương nhiên được xóa án tích.” Căn cứ vào qui định trên thì 02 lần phạm tội này đều chưa đủ định lượng để khởi tố mà do bị cáo có tiền sự về hành vi trộm cắp chưa được xóa nên không thể tính án tích đối với bị cáo. Như vậy, bản thân bị cáo T1 có 03 tiền án, không phải 05 tiền án như cấp sơ thẩm xác định, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Như phân tích trên, Bản thân bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điều luật trên là có căn cứ.

4. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo với mức án nêu trên là phù hợp với qui định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết gì mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Lâm Văn T1.**

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Văn T1** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lâm Văn T1 06 (sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 29/5/2018.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh

hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thơ